TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07-01-2021
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Phú Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;

2. Bà Phạm Thị Phương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 755/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Châu Thị Tuyết A, sinh năm 1976.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh B, sinh năm 1976.

Cùng nơi cư trú: Tổ 4, ấp C, xã D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Chị A và anh B có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Châu Thị Tuyết A trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh B tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh B từ năm 1998 đến năm 2000 thì hạnh phúc;

chỉ từ năm 2000 cho đến nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và dẫn đến cãi nhau thường xuyên. Nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không thống nhất được ý kiến khi giải quyết chuyện gia đình, chuyện tiền bạc, cách nuôi dạy con. Do mâu thuẫn vợ chồng vẫn còn tồn tại và ngày càng trầm trọng nên chị khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh B.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Minh B chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu Trung, sinh ngày 05/11/1998 và cháu Nguyễn Thanh Thảo, sinh ngày 10/7/2005. Hiện nay cháu Nguyễn Hữu Trung đã thành niên nên khi chị và anh Nguyễn Minh B ly hôn thì chị không có yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết. Chị có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Thanh Thảo và không có yêu cầu anh Nguyễn Minh B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Minh B trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị A tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1998 và có đăng ký kế hôn. Theo anh cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị A không có phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng cũng có cãi nhau, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không thống nhất được ý kiến khi giải quyết chuyện gia đình và chị A không tin tưởng anh. Anh vẫn còn tình cảm với chị A nhưng do chị A đã cương quyết yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn. Ý kiến này do anh hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc.

- Về con chung: Anh và chị A chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu Trung, sinh ngày 05/11/1998 và cháu Nguyễn Thanh Thảo, sinh ngày 10/7/2005. Hiện nay cháu Nguyễn Hữu Trung đã thành niên nên khi anh và chị A ly hôn thì anh không có yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết. Anh đồng ý đẻ chị A nuôi cháu Nguyễn Thanh Thảo và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

- Về tố tụng: Do chị Châu Thị Tuyết A, anh Nguyễn Minh B là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 228 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị A và anh B.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 146, 147, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Châu Thị Tuyết A và anh Nguyễn Minh B.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thanh Thảo, sinh ngày 10/7/2005 cho chị Châu Thị Tuyết A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Riêng cháu Nguyễn Hữu Trung, sinh ngày 05/11/1998 hiện nay đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Châu Thị Tuyết A và anh Nguyễn Minh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Châu Thị Tuyết A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Do chị Châu Thị Tuyết A, anh Nguyễn Minh B là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 228 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị A và anh B.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Châu Thị Tuyết A và anh Nguyễn Minh B tự nguyện chung sống vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Châu Thị Tuyết A với anh Nguyễn Minh B thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị A và anh B đều thừa nhận trong khoảng thời gian chung sống vợ chồng, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện tại mâu thuẫn vẫn còn tồn tại và chưa giải quyết được. Chị A yêu cầu ly hôn và anh B cũng đồng ý, ý kiến này do anh B tự nguyện và không bị ai ép buộc. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của chị A và anh B là tự nguyện, không trái pháp luật nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về con chung: Xét thấy chị A và anh B thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu Trung, sinh ngày 05/11/1998 và cháu Nguyễn Thanh Thảo, sinh ngày 10/7/2005. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B và chị A thống nhất khi ly hôn sẽ giao con chung là cháu Nguyễn Thanh Thảo, sinh ngày 10/7/2005 cho chị A được trực tiếp chăm sóc, giáo

dục và nuôi dưỡng. Riêng cháu Nguyễn Hữu Trung, sinh ngày 05/11/1998 hiện nay đã thành niên nên chị A và anh B không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết. Do ý kiến về con chung của anh B và chị A là tự nguyện và cũng phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ghi nhận chị Châu Thị Tuyết A không có yêu cầu anh Nguyễn Minh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Minh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Châu Thị Tuyết A và anh Nguyễn Minh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Chị Châu Thị Tuyết A phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 228, 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Châu Thị Tuyết A và anh Nguyễn Minh B. Ghi nhận chị Châu Thị Tuyết A và anh Nguyễn Minh B thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thanh Thảo, sinh ngày 10/7/2005 cho chị Châu Thị Tuyết A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Châu Thị Tuyết A không có yêu cầu anh Nguyễn Minh B cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu Nguyễn Hữu Trung, sinh ngày 05/11/1998 hiện nay đã thành niên nên chị A, anh B không yêu cầu tòa án đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Minh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Chị Châu Thị Tuyết A và anh Nguyễn Minh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Châu Thị Tuyết A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị A đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001438 ngày 04 tháng 12 năm

2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị A đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Châu Thị Tuyết A, anh Nguyễn Minh B biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- UBND xã D;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (S).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Phú Sang